

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được và ông Đào Xuân Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Tạ Bá K**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: **Tổ B, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước**, có đơn vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú: **Số E, ngõ A, ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**, có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Tạ Bá K** trình bày:

Ông **K** và bà **Trần Thị H** tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam** vào ngày 04/4/2006. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách làm ăn nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng ngồi lại nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm tiếng nói chung nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên đã sống ly

thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chúng tôi cũng đã về ở lại với nhau 02 lần nhưng rồi lại cãi nhau, đánh nhau nên mỗi lần được khoảng chục ngày rồi lại sống ly thân tiếp. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên tôi mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung là Tạ Huy H1, sinh ngày 22/01/2007 và Tạ Tuấn T, sinh ngày 16/8/2012. Tôi yêu cầu giao 02 con chung cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, vì từ khi vợ chồng sống ly thân các con đều ở cùng bà H, hiện đang đi học và sinh sống ổn định cùng bà H. Tôi hiện đang ở nhà thuê, công việc là buôn bán trái cây, không có tài sản hay nhà đất gì.

Tôi sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2024 bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà H và ông Tạ Bá K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 04/4/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đã sống ly thân từ năm 2019, nay ông K làm đơn ly hôn tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung là Tạ Huy H1, sinh ngày 22/01/2007 và Tạ Tuấn T, sinh ngày 16/8/2012. Trường hợp nếu ly hôn thì tôi yêu cầu được nuôi cả hai con; việc cấp dưỡng nuôi con tùy ông K, tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải, không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của nguyên đơn ông Tạ Bá K, cho ông K được ly hôn với bà Trần Thị H; Giao 02 con chung Tạ Huy H1, sinh ngày 22/01/2007 và Tạ Tuấn T, sinh ngày 16/8/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông K cấp dưỡng nuôi 02 con là 3.000.000đồng/tháng; Về tài sản và vay, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Án phí Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” do ông **Tạ Bá K** khởi kiện, bị đơn là bà **Trần Thị H** cư trú tại **ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông **Tạ Bá K** và bị đơn bà **Trần Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự đều có lời khai nên việc vắng mặt là hợp lệ. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Tạ Bá K** và bà **Trần Thị H** tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam**, vào sổ đăng ký kết hôn số 21, ngày 04/04/2006. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp, ông **K** có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà **H** theo đúng quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của ông **K**, sau khi kết hôn ông **K** và bà **H** chung sống hạnh phúc đến năm 2015 mâu thuẫn phát sinh bởi nhiều nguyên nhân và ngày càng trầm trọng hơn, từ năm 2017 sống riêng, sau đó có 02 lần quay về sống hòa hợp được vài ngày nhưng không đạt được hạnh phúc từ đó không còn chung sống với nhau nữa. Ông **K** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên có nguyện vọng được ly hôn; Bị đơn bà **H** tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2024 cũng thừa nhận vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, từ năm 2019 đến nay không sống chung cùng nhau nên ông **K** đề nghị ly hôn thì bà không có ý kiến gì (do bà theo đạo công giáo nên không đến Tòa giải quyết vụ việc).

Xét tình trạng hôn nhân của ông **K** và bà **H**, cả hai vợ chồng đều trình bày có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không được hạnh phúc từ năm 2015, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho hai bên có cơ hội hàn gắn, tuy nhiên bà **H** vắng mặt cho thấy không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông **K**, bà **H** đều xác định từ năm 2019 đến nay không còn chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của ông **K** muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và phải có sự đồng thuận từ hai phía, nhưng ông **K** kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà **H** và ông, bà đã sống ly thân nhiều năm nay. Do đó, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân của ông **K** và bà **H** không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài do mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **K**, cho ông được ly hôn với bà **H** theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-

HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông **K** và bà **H** có 02 con chung là **Tạ Huy H1**, sinh ngày 22/01/2007 và **Tạ Tuấn T**, sinh ngày 16/8/2012.

Các bên đều thống nhất giao hai con cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu **Tạ Huy H1** và **Tạ Tuấn T** mong muốn được ở mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử nghi nhận, giao hai con chung cho bà **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **K** tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), xét đây là sự tự nguyện của ông **K**, bà **H** không ý kiến gì nên nghi nhận, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 đến khi các con trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Án phí sơ thẩm: Ông **K** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông **Tạ Bá K** được ly hôn với bà **Trần Thị H** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 04/4/2006 do UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp*).

2. Về con chung: Giao 02 con chung **Tạ Huy H1**, sinh ngày 22/01/2007 và **Tạ Tuấn T**, sinh ngày 16/8/2012 cho bà **Trần Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Ông **Tạ Bá K** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 đến khi con chung trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về tài sản chung, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm ông **Tạ Bá K** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001294, ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Án phí cấp dưỡng nuôi con ông **K** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP ĐX;
- UBND nơi cấp giấy CNKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Huệ